

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRƯỜNG MN HOA PHƯƠNG

Số: 235 /BC-MNHP

Phú Lợi, ngày 29 tháng 5 năm 2025

BÁO CÁO CÔNG KHAI

**Theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 5 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo**

I. Thông tin chung:

1. Tên cơ sở: TRƯỜNG MẦM NON HOA PHƯƠNG

2. Địa điểm trụ sở chính: Số 15, đường Lê Thị Trung, khu phố 4, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Điện thoại: 0274.3.822.759 Fax: không

- Website: www.mn-hoaphuong.tptdm.edu.vn

- Email: mn-hoaphuong@tptdm.edu.vn

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Trường Mầm non Công lập.

Chức năng: Hoạt động trong lĩnh vực giáo dục mầm non

Nhiệm vụ: Nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ từ 24 tháng đến 5 tuổi

Nhà trường thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao là tổ chức thực hiện nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ từ 24-36 tháng đến 5-6 tuổi. Thực hiện phát triển chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, nâng cao chất lượng về đội ngũ về trình độ, năng lực công tác và kỹ năng giảng dạy.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu:

4.1 Sứ mệnh: Tạo dựng môi trường thân thiện, có kỷ cương, tình thương, trách nhiệm, chất lượng chăm sóc, giáo dục cao, giúp trẻ mầm non có nhiều cơ hội học tập, trải nghiệm để trẻ phát huy tính tích cực, sáng tạo, mạnh dạn tự tin vững bước vào tương lai.

4.2 Tầm nhìn: Một ngôi trường thân thiện, uy tín, chất lượng, trẻ luôn mạnh dạn, tự tin, sáng tạo, có kỹ năng giải quyết các vấn đề, có ý chí nỗ lực, biết yêu thương, quan tâm chia sẻ, hướng tới khẳng định được giá trị bản thân của mỗi đứa trẻ.

4.3 Mục tiêu: Xây dựng nhà trường thân thiện, có uy tín về chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, là mô hình giáo dục tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Quá trình hình thành và phát triển:

- Trường MN Hoa Phượng được thành lập theo Quyết định số 56/QĐUB ngày 01/7/1991 của UBND Thị xã Thủ Dầu Một; năm học 2009-2010 trường được xây dựng mới tổng số 16 phòng học, 2 phòng chức năng, khu vực hiệu bộ: 6 phòng,

01 nhà bếp, có nhà vệ sinh giáo viên và trẻ nam, nữ riêng biệt; có nhà xe giáo viên; đồ dùng, trang thiết bị dạy học đáp ứng được công tác chăm sóc – giáo dục trẻ và các hoạt động giáo dục khác theo chương trình giáo dục Mầm non.

Nhiều năm qua trường đã không ngừng phấn đấu về mọi mặt và luôn giữ vững danh hiệu tập thể Lao động xuất sắc.

- Trường Đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 năm học 2012- 2013 theo Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 11/03/2013 của UBND tỉnh Bình Dương.

- Năm học 2019-2020: Trường Đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 theo Quyết định số: 3205/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương.

- Năm học 2019-2020: Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 theo Quyết định số 1888/QĐ-SGDĐT ngày 07/10/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Năm học 2024- 2025: Sở Giáo dục và Đào tạo đã Kiểm định chất lượng giáo dục chính thức ngày 11/4/2025 (đang chờ Quyết định công nhận).

- Trong nhiều năm liên trường được UBND tỉnh công nhận Tập thể Lao động xuất sắc, Bằng khen của UBND Tỉnh, Tập thể Lao động tiên tiến.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

- Họ và tên: Huỳnh Thị Phụng

- Chức vụ: Hiệu trưởng

- Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Hoa Phượng, Số 15, đường Lê Thị Trung, khu phố 4, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Số điện thoại: 0978 367 826

- Email: huynhphung@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

- Ngày 01/7/1991: Thành lập trường Hoa Phượng theo Quyết định số: 56/QĐ-UB của UBND thị xã Thủ Dầu Một.

- Nhà trường thực hiện kiện toàn các thành viên Hội đồng trường (nếu thay đổi nhân sự) và được UBND thành phố công nhận. Năm 2024, các thành viên Hội đồng trường gồm 11 thành viên:

ST T	Giới tính	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh	Nhiệm kỳ
1	Bà	Huỳnh Thị Phụng	Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	2024-2028
2	Bà	Nguyễn Hồng Thanh	Phó Bí thư - Phó hiệu trưởng	Thành viên	2024-2028
3	Bà	Lê Thị Ngọc Hiền	Chủ tịch công đoàn	Thành viên	2024-2028

4	Bà	Trần Thị Thúy Nga	Bí thư Chi đoàn	Thành viên	2024-2028
5	Bà	Đỗ Thị Thảo Nguyên	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Thành viên	2024-2028
6	Bà	Nguyễn Thị Sen	Tổ trưởng tổ Cấp dưỡng	Thành viên	2024-2028
7	Bà	Trần Thụy Kiều Loan	Tổ trưởng tổ khối Mầm – Nhà trẻ	Thành viên	2024-2028
8	Bà	Nguyễn Thị Chính	Tổ trưởng tổ khối Chồi	Thành viên	2024-2028
9	Bà	Nguyễn Thị Bảo Thu	Tổ trưởng tổ khối Lá	Thành viên	2024-2028
10	Bà	Nguyễn Hoàng Duy Linh	Trưởng BDD cha mẹ trẻ	Thành viên	2024-2028
11	Bà	Lại Thái Hòa	PCT.UBND phường Phú Lợi	Thành viên	2024-2028

- Năm học 2024-2025 đội ngũ CBGVNV nhà trường có 39 người trong đó: 01 Hiệu trưởng; 02 Phó Hiệu trưởng; 23 giáo viên; 02 viên chức (kế toán, Y tế) và 11 nhân viên (02 bảo vệ; 01 phục vụ; 7 cấp dưỡng, 01 văn thư).

+ Hiệu trưởng: Bà Huỳnh Thị Phụng – Quyết định số 3948/QĐ-UBND ngày 31/8/2022

+ Phó Hiệu trưởng: Nguyễn Hồng Thanh - Quyết định số: 4016/QĐ-UBND ngày 30/9/2021.

+ Phó Hiệu trưởng: Dương Thu Hiền - Dương Thu Hiền - Quyết định số: 3927/QĐ-UBND ngày 31/8/2022

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				
			Ths	ĐH	CD	TC	Dưới TC
	Tổng số giáo viên, CBQL và nhân viên	39		20	6	1	10

I	Cán bộ quản lý	3		2	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1		1			
2	Phó hiệu trưởng	2		2			
II	Giáo viên	23		16	6	1	0
1	Nhà trẻ	2		2			
2	Mẫu giáo	21		16	6	1	
III	Nhân viên	13		1	0	2	10
1	Nhân viên Văn thư	01				1	
2	Nhân viên Kế toán	01		1			
3	Nhân viên Y tế	01				1	
4	Nhân viên Cấp dưỡng	07					07
5	Nhân viên Phục vụ	01					01
6	Nhan viên Bảo vệ	02					02

2. Số lượng, tỉ lệ CBQL, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp:

ST T	Nội dung	Năm học 2023-2024 (Kết quả đạt)
1	Cán bộ quản lý	03
	Số lượng	03
	Tỷ lệ	100%
2	Giáo viên	22 (10: XL Tốt; 12: XL: Khá) gồm GVHD
	Tỷ lệ	100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

ST	Nội dung	Năm học	Năm học	Yêu cầu theo
----	----------	---------	---------	--------------

T		2023-2024	2024-2025	quy định
1	Điểm trường			
2	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	3046,9 m ² /362	3.046,9m ² /344	đạt
	Diện tích bình quân mỗi trẻ (m2/trẻ)	8,41 m ² /1 trẻ	8,85 m ² /1 trẻ	đạt
3	Khối phòng hành chính			đạt
3.1	Phòng hiệu trưởng	01	01	đạt
3.2	Phòng phó hiệu trưởng	02	02	đạt
3.3	Văn phòng trường	01	01	đạt
3.4	Phòng hành chính quản trị	01	01	đạt
3.5	Phòng bảo vệ	01	01	đạt
3.6	Nhà vệ sinh	01	01	Được bố trí theo các khối phòng hành chính. Phòng vệ sinh nam nữ riêng biệt.
3.7	Nhà để xe của CBGVNV có đủ chỗ và có mái che	01	01	đạt
4	Phòng chăm sóc, nuôi dưỡng (lớp học)			
4.1	Phòng học kiên cố	11	11	
4.2	Diện tích phòng sinh hoạt	112m ²	112m ²	đạt

	chung (m ²)			
4.3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	23,75 m ² /phòng	23,75 m ² /phòng	đạt
4.4	Diện tích sân chơi (m ²)	160m ²	160m ²	đạt
5	Phòng tổ chức ăn			
5.1	Phòng bếp	01	01	đạt
5.2	Kho bếp	01	01	đạt
6	Khối phụ trợ			
6.1	Phòng hội trường (phòng họp)	01	01	đạt
6.2	Phòng y tế	01	01	Có giường bệnh và thiết bị y tế phục vụ sơ cấp cứu ban đầu
6.3	Nhà kho (dụng cụ và học phẩm)	01	01	đạt
6.4	Sân vườn (tổ chức vận động; sân khấu ngoài trời)	705 m ²	705 m ²	đạt
6.5	Cổng, hàng rào	Cổng chính rộng 5m, chiều cao tường 2,5m, 1 cổng phụ cao 2,5m	Cổng chính rộng 5m, chiều cao tường 2,5m, 1 cổng phụ cao 2,5m	đạt
7	Hạ tầng kỹ thuật			

7.1	Hệ thống cấp nước sạch	Có hệ thống cung cấp nước sạch và đấu nối nước thải theo quy định.	Có hệ thống cung cấp nước sạch và đấu nối nước thải theo quy định.	đạt
7.2	Hệ thống cấp điện	Đảm bảo đủ công suất và an toàn.	Đảm bảo đủ công suất và an toàn.	đạt
7.3	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy	Trang bị đầy đủ theo quy định hiện hành.	Trang bị đầy đủ theo quy định hiện hành.	đạt
7.4	Hạ tầng công nghệ thông tin (điện thoại; mạng internet...)	Sử dụng cáp mạng âm tường theo thiết kế thi công ban đầu.	Trang bị lại hệ thống cáp mạng bằng thiết bị wifi cho các khối lớp.	đạt
7.5	Khu thu gom rác thải	Có khu vực tập kết rác thải riêng và hợp đồng thu gom rác hàng ngày đảm bảo vệ sinh.	Có khu vực tập kết rác thải riêng và hợp đồng thu gom rác hàng ngày đảm bảo vệ sinh.	đạt
8	Khối phòng phục vụ học tập			
8.1	Thư viện	01	01	đạt
8.2	Phòng máy	01	01	đạt

8.3	Phòng thể chất	02	02	đạt
8.4	Phòng nghệ thuật	02	02	đạt
9	Thiết bị đồ dùng, đồ chơi phục vụ chăm sóc giáo dục:			
9.1	Máy vi tính	16	16	đạt
9.2	Máy chiếu	01	01	đạt
9.3	Ti vi	12	12	đạt
9.4	Nhạc cụ (Đàn organ)	19	19	đạt
9.5	Máy photo	01	01	đạt
9.6	Đầu Video/đầu đĩa	0	0	đạt
9.7	Thiết bị âm thanh (Ampli, thùng bass)	02 bộ	02 bộ	đạt
9.8	Đồ chơi ngoài trời	26 bộ	26 bộ	đạt
9.9	Bàn ghế đúng quy cách	350 bộ	350 bộ	đạt
9.10	Thiết bị phát triển ngôn ngữ, làm quen với Tiếng Anh và kỹ năng tìm kiếm thông tin cho trẻ.	01 bộ	01 bộ	đạt

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC:

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở; kế hoạch cải tiến chất lượng tự đánh giá:

- Tiếp tục triển khai thực hiện công tác Kiểm định chất lượng giáo dục - chuẩn quốc gia theo Thông tư 19. Hội đồng tự đánh giá các tiêu chuẩn theo quy định. Có kế hoạch thực hiện các biện pháp cải tiến khắc phục điểm yếu đã xác định. Năm 2023-2024 tự đánh

giá đạt 05 tiêu chuẩn, tự đánh giá đạt ở Mức 3, chuẩn quốc gia Mức 2. Đăng ký đánh giá ngoài năm học 2024- 2025.

+ Mức 1: Số lượng tiêu chí đạt: 25/25 tiêu chí, đạt tỉ lệ: 100%

+ Mức 2: Số lượng tiêu chí đạt: 25/25 tiêu chí. Đạt tỉ lệ: 100%

+ Mức 3: Số lượng tiêu chí đạt: 18/18 tiêu chí. Đạt tỉ lệ: 100%

Cụ thể: Đánh giá tiêu chí từ Mức 1,2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<i>Tiêu chuẩn 1</i>				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	-
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	x
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	-
Tiêu chí 1.8		x	x	-
Tiêu chí 1.9		x	x	-
Tiêu chí 1.10		x	x	-
<i>Tiêu chuẩn 2</i>				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
<i>Tiêu chuẩn 3</i>				
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	x
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	-
<i>Tiêu chuẩn 4</i>				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
<i>Tiêu chuẩn 5</i>				
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x

Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x

Kết quả: Tự đánh giá Đạt Mức 3

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định đạt chất lượng giáo dục:

- Ngày 11 tháng 4 năm 2025 Đoàn đánh giá ngoài kiểm tra đánh giá chính thức và chờ Quyết định.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

Kết quả về thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ:

STT	Nội dung	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	Tổng số lớp	11 (01 nhóm trẻ; 10 lớp mẫu giáo)	11 (01 nhóm trẻ; 10 lớp mẫu giáo)
2	Tổng số trẻ nhóm trẻ	26	25
2.1	Số trẻ bình quân/nhóm	26	25
3	Tổng số trẻ mẫu giáo	336	319
2.3.13	Số trẻ bình quân/lớp	33,6	31.9
4	Số trẻ học 2 buổi/ngày	362	344
5	Số trẻ được tổ chức ăn bán trú	362	344
6	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	362	344
6.1	<i>Số trẻ em được có tình trạng dinh dưỡng bình thường</i>	344	332
6.2	<i>Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân</i>	0	0
6.3	<i>Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi</i>	2	1

6.4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể hai thể	0	0
6.5	Số trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm	2	5
6.6	Số trẻ thừa cân béo phì	87	88
7	Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi	công nhận đạt PCGD trẻ 5 tuổi 100% trẻ 5 tuổi HTCT	
8	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0

***Chất lượng thực hiện giáo dục:**

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- 100% trẻ được khám sức khỏe 2 lần/năm học. - Cân đo trẻ theo quý: 3 tháng/1 lần (tháng 9, 12, 3 thực hiện tổng cân đo). - 100% trẻ được đánh giá tình trạng dinh dưỡng và theo dõi biểu đồ phát triển. - 100% trẻ được học tập theo chương trình giáo dục nhà trẻ hiện hành. - Tỷ lệ chuyên cần đạt: 93.23%.	- 100% trẻ được học tập theo chương trình giáo dục mẫu giáo hiện hành theo hướng phát triển chủ đề. - 100% trẻ được chuẩn bị tốt các điều kiện cho trẻ lên lớp 1 ở trường phổ thông. - Tỷ lệ chuyên cần đạt: 95.57%. Riêng trẻ 5 tuổi đạt: 97.08%. - Tỷ lệ bé ngoan đạt: 93.87%. Riêng trẻ 5 tuổi: 95.29%.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	- Chương trình giáo dục nhà trẻ - Chủ đề thực hiện: 35 tuần - Nhà trẻ: 9 chủ đề +Khối Mầm:10 chủ đề +Khối Chồi:10 chủ đề	- Chương trình giáo dục mẫu giáo - Chủ đề thực hiện 35 tuần - Nhà trẻ: 9 chủ đề +Khối Mầm:10 chủ đề +Khối Lá: 12 chủ đề

		+Khối Lá: 12 chủ đề	+Khối Chồi: 10 chủ đề
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- Đạt từ 90% trở lên mục tiêu cần đạt cho trẻ từ 24 đến 36 tháng	- Đạt từ 90% trở lên mục tiêu cần đạt cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Cơ sở vật chất đầy đủ theo quy định hiện hành. - Đáp ứng yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.	- CSVC, thiết bị dạy học tối thiểu bảo đảm điều kiện thực hiện Chương trình GDMN; đáp ứng yêu cầu duy trì và nâng cao chất lượng PCGDMNTE 5 tuổi để hướng đến phổ cập GDMN trẻ em mẫu giáo. trường lớp, CSVC đáp ứng tiêu chuẩn hiện hành; tiếp tục cải tạo, nâng cấp trường lớp, CSVC đáp ứng tiêu chuẩn hiện hành; bảo đảm tỉ lệ 01 phòng học/nhóm, lớp.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Số TT	Chỉ số thống kê	Năm 2024	Năm 2023	Ghi chú
1	2	3	4	5
A	TỔNG THU			
I	Số thu phí, lệ phí	903.655.715	1.146.754.219	
1	Thu học phí lệ phí	903.655.715	1.146.754.219	
2	Khác	-	-	
II	Thu từ NSNN cấp (dự toán giao)	8.004.565.284	6.441.348.349	
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.539.565.284	5.086.348.349	
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.465.000.000	1.355.000.000	
B	TỔNG CHI	7.008.897.197	6.195.215.961	
I	Chi từ nguồn học phí	390.697.019	682.058.504	
1	<i>Chi sự nghiệp bậc học mầm non</i>	390.697.019	682.058.504	
a	<i>Chi 60% hoạt động từ nguồn thu học phí</i>	390.697.019	321.871.667	
b	Chi 40% bù lương từ nguồn thu học phí	-	360.186.837	
II	CHI TỪ NGUỒN NSNN	6.618.200.178	5.513.157.457	

I	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.777.615.026	4.593.783.065	
6000	Tiền lương	2.426.214.985	1.752.986.971	
6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	605.309.190	561.600.000	
6100	Phụ cấp lương	1.281.554.541	925.531.607	
6300	Các khoản đóng góp	858.657.943	640.410.956	
6400	Chi các khoản thanh toán cho cá nhân	233.570.000	273.450.000	
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	176.593.845	122.466.210	
6550	Vật tư văn phòng	56.412.480	52.650.904	
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	5.112.000	3.195.000	
6700	Công tác phí		1.200.000	
6750	Chi phí thuê mướn	62.219.040	50.761.260	
6900	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên		86.367.700	
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành	65.880.802	103.854.057	
7050	Mua sắm tài sản vô hình	2.000.000	13.000.000	
7750	Chi khác	4.090.200	6.308.400	
II	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	840.585.152	919.374.392	
6100	Phụ cấp lương	305.993.724	483.925.012	
6150	Học bổng, hỗ trợ chi phí học tập	4.800.000	5.400.000	
6400	Chi các khoản thanh toán cho cá nhân	427.241.428	318.464.380	
6750	Chi phí thuê mướn	5.150.000	12.305.000	
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành	12.000.000	11.400.000	
7750	Chi khác	85.400.000	87.880.000	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Thực hiện hiệu quả chủ đề năm học “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ em làm trung tâm” gắn kết với việc nâng cao chất lượng thực hiện *Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021 – 2025”*. Cụ thể hóa và thực hiện tốt thông điệp hành động “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ em làm trung tâm”. Thực hiện hiệu quả các chuyên đề trọng tâm trong năm.

- Thực hiện hiệu quả các chuyên đề trọng tâm trong năm, chương trình “*Tôi yêu Việt Nam*” tổ chức thành công Hội thi: “*Bé với an toàn giao thông*” cấp cơ sở. Tham gia Hội thi an toàn giao thông cấp thành phố và đạt nhiều giải thưởng. Qua hội thi trẻ khắc sâu hơn các kiến thức đã được cô cung cấp về luật giao thông, và tuân thủ các biển báo khi tham gia giao thông trên đường. Công tác phối hợp, tuyên truyền, phối hợp với cha mẹ trẻ đạt hiệu quả.

- Duy trì thực hiện tốt chuyên đề “*Xây dựng trường Mầm non lấy trẻ làm trung tâm*”, thu hút sự quan tâm của cha mẹ trẻ, cộng đồng xã hội tham gia. Cải thiện, làm mới sân chơi, quy hoạch, cải tạo các bồn sung các loại hoa cây cảnh xung quanh trường cho trẻ vui chơi khám phá dạo chơi ngoài trời cho trẻ trong năm học.

- Kết quả học BDTX năm 2024 - 2025: CBQL hoàn thành 03/03, giáo viên hoàn thành: 21/23 giáo viên. (02 giáo viên hoãn học do nghỉ hậu sản vào tháng 9/2024).

- Các đề tài sáng kiến nâng cao chất lượng trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Chuyển tình 01 đề tài. Đạt cấp thành phố: đạt 17/18 đề tài (2023-2024).

- Hoàn thành kế hoạch đào tạo bồi dưỡng của trường: 03 giáo viên hoàn thành lớp ĐHMN, 01 giáo viên tham gia học nâng cao chuẩn trình độ ĐHMN; 01 giáo viên hoàn thành lớp TCCT; 05 giáo viên hoàn thành lớp Sơ cấp chính trị. Đảm bảo 02 giáo viên/lớp. Giáo viên được tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Năm học 2024- 2025 có 03 GV học TCCT.

Phối hợp tốt với Ban đại diện Cha mẹ trẻ thực hiện tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Tổ chức tốt các ngày lễ, hội tại lớp, trường trang trọng đúng quy định. Tổ chức thành công các hoạt động cho trẻ như: chương trình Tôi yêu Việt Nam, tổ chức thành công Ngày Hội “Một ngày cùng con ở trường” dành cho cha mẹ trẻ, các hoạt động trải nghiệm ý nghĩa như tham quan tham quan trường tiểu học, lễ tổng kết năm học, QTTN 1/6, tết trung thu, ngày hội đến trường của bé, lễ hội mừng xuân, lễ hội gói bánh, tham quan trải nghiệm khu du lịch KAWAWO.... Huy động mọi nguồn lực hợp pháp để phát triển nhà trường, đạt được những kết quả theo kế hoạch vận động tài trợ đề ra để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Thu hút được sự tham gia của cha mẹ trẻ và địa phương vào các hoạt động lễ hội.

Thực hiện tham mưu kịp thời với địa phương, sự phối hợp chặt chẽ với các ban ngành đoàn thể của địa phương và cha mẹ trẻ trẻ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trẻ.

Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, giáo viên thực hiện Chương trình Giáo dục Mầm non; Đổi mới sinh hoạt chuyên môn; Tăng cường hình thức theo cụm, khối, tổ, nhóm, tập trung, qua mạng; bồi dưỡng kỹ năng thực hành “tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm”; Nâng cao năng lực CBQL, giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và chăm sóc, giáo dục trẻ. Tham gia các hội thi cấp trường, tham gia hội thi GVDG, CD nấu ăn giỏi cấp thành phố, cấp tỉnh, Ngày Hội “Bé với sản phẩm Stem/Steam).

Xây dựng và hiện kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ kế thừa, quan tâm đến giáo viên giỏi, trẻ; tạo điều kiện cho giáo viên cốt cán tham gia các lớp quản lý giáo dục, trung cấp chính trị, quản lý nhà nước. Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực

chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp, tình thương, trách nhiệm của cán bộ quản lý, giáo viên đối với trẻ. Bồi dưỡng kỹ năng UDCNTT.

Thực hiện đúng các quy định về quản lý tài chính trong các trường mầm non; Các quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Thực hiện Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo. Tiếp tục triển khai thực hiện Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non.

Triển khai các nhiệm vụ bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu; Thực hiện Quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kì và đột xuất./.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT (để b/c);
- BGH trường;
- Công khai website;
- Lưu VT./.

HIỆU TRƯỞNG

Huỳnh Thị Phụng